

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:136/2024/DS-PT

Ngày: 16 - 7 - 2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Nhum

Ông Lê Viết Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/6/2024 và 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2024/TLPT-DS ngày 03/4/2024 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2024/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, địa chỉ nơi cư trú: khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

* ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956; địa chỉ nơi cư trú: Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

1. Bà Vũ Thị Ngọc B, sinh năm 1977, địa chỉ nơi cư trú: Khu phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Bà Vũ Thị Mỹ H, sinh năm 1979, địa chỉ nơi cư trú: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. Bà Vũ Thị Quỳnh T1, sinh năm 1992, địa chỉ nơi cư trú: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- Đại diện theo ủy quyền của bà B, bà H, bà T1: Ông Vũ Công T2, sinh năm 1997, địa chỉ nơi cư trú: A N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

* Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H, bà Vũ Thị Quỳnh T1

* Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là con ruột của bà Nguyễn Thị Y. Năm 1994, bà Y chung sống với ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953. Từ thời điểm năm 1994, ông T3 coi bà T như con ruột, có làm giấy khai sinh và đứng tên cha của bà T.

Tháng 4 năm 1994, bà Y có mua 01 mảnh đất của bà Đỗ Thị N với giá 01 cây 65 vàng 24k. Đến tháng 3 năm 1995 do xác định chung sống với ông T3 nên bà Y đã để ông T3 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mua và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 453,8m². Đất cấp cho hộ ông Vũ Huy T3 và bà Nguyễn Thị Y. Trong quá trình chung sống thì ông T3, bà Y đã xây dựng nhà trên mảnh đất trên để sinh sống.

Ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017 - tức 02/2/2017 dương lịch) ông T3 có viết bản di chúc bằng tay khi còn khỏe mạnh và minh mẫn; tháng 5/2018 ông T3 tiếp tục viết di chúc để lại cho bà T thừa kế 1/2 quyền sử dụng đất với thửa đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20 và tài sản gắn liền với đất. Ngày 08 tháng 6 năm 2018, ông T3 chết do bệnh hiểm nghèo. Gia đình bà T đã họp nhưng không thống nhất được việc phân chia di sản của ông T3 để lại.

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Công nhận di chúc ngày 02 tháng 02 năm 2017 (ngày 6 tháng 01 năm 2017) của ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953 để lại là hợp pháp.

+ Yêu cầu bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956 phải giao lại 1/2 diện tích đất và tài sản trên đất gồm: diện tích đất 453,8m² (có 200m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4. Bà T đồng ý lấy giá trị di sản thừa kế là tiền. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì bà T không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà T yêu cầu Tòa công nhận hiệu lực cả hai bản di chúc lập ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017 - tức 02/2/2017 dương lịch) và lập tháng 5/2018 và giữ nguyên các yêu cầu khác như đơn khởi kiện đã ghi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Năm 1994, bà Nguyễn Thị Y chung sống với ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953 nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà Y có 01 người con riêng là Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Khi chung sống với ông T3, ông T3 đã nhận chị T là con hợp pháp và đăng ký khai sinh cho chị T có cha là Vũ Huy T3, sinh năm 1953.

Tháng 4 năm 1994, bà Y có mua 01 mảnh đất của bà Đỗ Thị N với giá 01 cây 65 vàng 24k. Đến tháng 3 năm 1995 do xác định chung sống với ông T3 nên bà Y đã để ông T3 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mua và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 453,8m². Đất cấp cho hộ ông Vũ Huy T3 và bà Nguyễn Thị Y. Trong quá trình chung sống thì bà Y và ông T3 đã xây dựng nhà trên mảnh đất trên để sinh sống. Ngày 08 tháng 6 năm 2018 ông T3 chết do bệnh hiểm nghèo.

Bà T khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận di chúc ngày 02 tháng 02 năm 2017 của ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953 để lại là hợp pháp và yêu cầu bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1956 phải giao lại ½ diện tích đất và tài sản trên đất gồm: diện tích đất 453,8m² (có 200m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4 thì bà Y đồng ý. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì bà Y không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Ngọc B trình bày:

Bà B là con ruột của ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1954. Năm 1994, bố mẹ bà B ly hôn. Ngày 08 tháng 6 năm 2018, bố bà B là ông T3 chết do bệnh hiểm nghèo có để lại tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 453,8m² (có 200m² đất thổ cư) tọa lạc tại khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4. Bà B đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Vũ Huy T3 theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà B không đồng ý vì bản di chúc đó không hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Mỹ H trình bày:

Bà H là con ruột của ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1954. Năm 1994, bố mẹ bà H ly hôn. Ngày 08 tháng 6 năm 2018 bố bà H là ông T3 chết do bệnh hiểm nghèo có để lại tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 453,8m² (có 200m² đất thổ cư) tọa lạc tại Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4. Bà H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Vũ Huy T3 theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H không đồng ý vì bản di chúc đó không hợp pháp.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Quỳnh T1 trình bày:

Bà T1 là con ruột của ông Vũ Huy T3, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1954. Ngày 08 tháng 6 năm 2018, bố bà T1 là ông T3 chết do bệnh hiểm nghèo có để lại tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 453,8m² (có 200m² đất thổ cư) tọa lạc tại Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4. Bà T1 đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Vũ Huy T3 theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà T1 không đồng ý vì bản di chúc đó không hợp pháp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước quyết định:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 116, 118 Luật đất đai năm 1993; Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 633, 643 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1.1. Tuyên bố di chúc lập ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017 - tức 02/2/2017 dương lịch) của ông Vũ Huy T3 là hợp pháp.

1.2. Bà Nguyễn Thị Y phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo di chúc của ông Vũ Huy T3 bằng tiền là 2.088.535.992 đồng (*Hai tỷ không trăm tám tám triệu năm trăm ba năm nghìn chín trăm chín hai đồng*).

1.3. Bà Nguyễn Thị Y được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích đất diện tích đất: 453,8m² (có 200m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số: 248, tờ bản đồ số: 20 và 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4, tọa lạc tại Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị Y được quyền đăng ký kê khai, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích được chia theo Quyết định của bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà B, bà H, bà T1 về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 248, tờ bản đồ số: 20 và tài sản gắn liền với đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H và người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Quỳnh T1 là ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo hướng: tuyên bố không công nhận di chúc ghi ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017 - tức 02/2/2017 dương lịch) và di chúc ghi tháng 5/2018 có tên Vũ Huy T3 là hợp pháp; bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, chia di sản của ông T3 là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật thừa kế cho 03 người con là các bà B, bà H và bà T1.

Ngày 09/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót như sau:

- Về quan hệ pháp luật: cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về di sản thừa kế”.

- Chưa xem xét đến yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với bản di chúc lập tháng 5/2018; chưa xem xét yêu cầu bổ sung của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc những người này yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất là di sản của ông T3 để lại và cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H, bà Vũ Thị Quỳnh T1 được hưởng toàn bộ di sản do ông T3 để lại này.

- Không áp dụng các điều 14, 15, 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 654, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không tuyên bà Y được quyền sở hữu tài sản trên đất mà chỉ tuyên bà Y được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

- Toàn bộ thửa đất 453,8m² và tài sản trên đất là tài sản chung của hộ gia đình bà Y ông T3 nhưng ông T3 lại làm di chúc để lại toàn bộ tài sản trên cho bà T, định đoạt luôn phần tài sản chung thuộc quyền sở hữu, định đoạt của bà Y. Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bố nội dung di chúc như vậy là hợp pháp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y và vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm bà T bổ sung yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc lập tháng 5/2018. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có thiếu sót.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu bổ sung của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà T1 và bà H nên việc tuyên buộc mỗi người này phải chịu 31.847.000 đồng án phí là không đúng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại quan hệ tranh chấp, xác định hiệu lực di chúc, áp dụng pháp luật, bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa phúc thẩm công nhận hiệu lực của hai bản di chúc.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H, bà Vũ Thị Quỳnh T1, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: giữ nguyên quan hệ pháp luật như bản án sơ thẩm đã xác định; bổ sung việc áp dụng quy định tại các điều 14,15,16 Luật Hôn nhân gia đình, các điều 654, 213 và 219 Bộ luật Dân sự; do định giá lại tài sản tranh chấp nên đề nghị Tòa phúc thẩm tính toán lại án phí đối với và bà T, bà Y; chỉ buộc bà B, bà T1, bà H mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H, bà Vũ Thị Quỳnh T1 và Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 09/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: bà T cho rằng bà được ông Vũ Huy T3 cho bà được hưởng di sản là quyền sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất 453,8m² thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20 và 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m² và 01 dãy nhà trọ cấp 4, tọa lạc tại khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước do ông T3 để lại theo di chúc ông T3 lập khi còn sống; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H, bà Vũ Thị Quỳnh T1 cũng có đơn yêu cầu độc lập cho rằng di chúc ông T3 lập là không hợp pháp, yêu cầu Tòa án chia cho các bà được hưởng thừa kế tài sản trên theo quy định của pháp luật. Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận thừa đất trên là tài sản chung của bà Y và ông T3, $\frac{1}{2}$ tài sản này là di sản do ông T3 chết đi để lại và chỉ yêu cầu Tòa chia cho mình được hưởng phần tài sản mà di chúc và pháp luật quy định quyền thừa kế tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” là đúng theo quy

định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng nghị cho rằng quan hệ pháp luật của vụ án phải là “Tranh chấp di sản thừa kế” là không phù hợp nên không được chấp nhận.

* Về nội dung tranh chấp:

[2] Về nguồn gốc di sản thừa kế tranh chấp: bị đơn bà Nguyễn Thị Y cho rằng: diện tích đất 453,8m² thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20, có nguồn gốc vào năm 1994 bà nhận sang nhượng của bà Đỗ Thị N với diện tích ban đầu là 9.972m², cũng trong năm 1994 bà về chung sống với ông Vũ Huy T3. Do ông T3 là đàn ông để tiện việc làm thủ tục giấy tờ nên bà giao cho ông T3 đi làm thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất nên năm 1995 ông T3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ). Hội đồng xét xử thấy rằng, do ông T3 đã chết nên không thể làm rõ trình bày trên của bà Y có phải là sự thật hay không. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ khác là: lời trình bày của các bên đương sự, GCNQSDĐ đã được cấp lần đầu năm 1995 (BL 180), Sổ hộ khẩu gia đình mà Công an huyện Đ, tỉnh Sông Bé (cũ) cấp tại quyền số 1107/SL cho chủ hộ là ông Vũ Huy T3 (BL 191), GCNQSDĐ được cấp đổi năm 2007 cho hộ ông Vũ Huy T3 (BL 181), nội dung hai bản di chúc lập ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017 - tức 02/2/2017 dương lịch) và tháng 5/2018 (BL 158-164) thì có căn cứ khẳng định: diện tích đất 453,8m² trên đã được ông T3 (lúc còn sống) và bà Y xác định là tài sản chung của hai người. Do đó, sau khi ông T3 chết ½ tài sản trên được xác định là di sản thừa kế do ông T3 để lại.

[3] Xét về mối quan hệ giữa ông T3 và bà T: mặc dù bà T không phải là con ruột của ông T3 và bà Y mà là con riêng của bà Y nhưng kể từ khi bà Y chung sống với ông T3 năm 1994 thì bà T cũng sống cùng ông T3 bà Y và được đăng ký khai sinh mang tên họ tên cha là ông Vũ Huy T3. Quá trình chung sống và sau khi bà T được khai sinh với tên cha là Vũ Huy T3 cho đến khi ông T3 chết thì ông T3 không hề phản đối việc khai sinh này. Do vậy, cần khẳng định giữa ông T3 và bà T phát sinh mối quan hệ cha, con.

[4] Về hiệu lực của bản di chúc lập ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017 - tức 02/2/2017 dương lịch) (sau đây gọi tắt là: bản di chúc thứ nhất) và bản di chúc lập tháng 5 năm 2018 (sau đây gọi tắt là: bản di chúc thứ hai):

[5] Xét thấy, bản di chúc thứ nhất được ông T3 lập bằng hình thức viết tay có nội dung cơ bản: *“Tôi Vũ Huy T3 viết bản di chúc này trong điều kiện sức khỏe dồi dào, thần kinh tỉnh táo để không may qua đời mọi người trong gia đình, gia quyến bạn hữu gần xa không cảm thấy đột ngột. Tôi tên thật là Vũ Huy T3 (bút danh Vũ Huy T3)....tôi sinh năm 1952 (Tuổi Nhâm Thìn) chứ không phải sinh năm 1953 theo như giấy CMND.....Tôi rất áy làm sung sướng, tự hào vì đã sinh ra những người con rất hiếu thảoNên tôi chỉ biết nuôi nấng, giáo dục, tạo dựng nghề nghiệp ổn định, gả chồng và cho mỗi con một miếng đất để làm tài sản hồi môn. Nay vợ chồng tôi chẳng có nhiều tài sản nào khác ngoài 1 ngôi nhà xây 1 lầu, 1 trệt tại xã T, thị xã Đ, BP. Căn cứ vào hoàn cảnh*

thực tế của gia đình, để nuôi dưỡng bố mẹ khi ốm đau, già yếu thuốc thang cơm cháo, lúc qua đời; Mặt khác cũng là lo hương khói cúng bái bố mẹ lúc qua đời nên tôi quyết định giao cho em T được thừa kế toàn bộ nhà cửa, đất cát của bố mẹ để lại và sổ đất mang tên Hộ ông Vũ Huy T3. Bố mong các con cháu, đặc biệt là con T hãy cố gắng ăn ở đức độ, hiếu thảo, giữ gìn nhà này cho vợ chồng con cái ở lâu dài, coi đây là nơi thờ cúng bố mẹ và là kỷ niệm linh thiêng của gia đình.....” (BL 161).

[6] Và tại bản di chúc thứ hai có nội dung cơ bản: “...*Trong tình trạng tinh thần minh mẫn, sáng suốt tôi lập di chúc này như sau: Tôi là đồng sử dụng của quyền sử dụng đất ...thừa đất số 248, tờ bản đồ số 20, diện tích 453,8m², địa chỉ thửa đất: xã T, TX.Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Sau khi tôi chết thì tài sản là phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của tôi trong quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ nêu trên sẽ được để lại cho bà Nguyễn Thị T sinh năm 1985, CMND số 285102506 do Công an B1 cấp 21/10/2016, địa chỉ kp . T, TT T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước được hưởng toàn bộ....” (BL 164).*

[7] Tại phiên tòa, các bên đương sự đều xác nhận thời điểm năm 2017, ông T3 chỉ có tài sản duy nhất là thửa đất 453,8m² mà các bên đang tranh chấp.

[8] Xét thấy, cả hai bản di chúc trên đều không có người làm chứng, không làm thủ tục công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền nhưng đều do ông T3 tự lập. Mặc dù, bản di chúc thứ nhất có một số từ ngữ bị gạch bỏ và không có chữ ký xác nhận của ông T3 đối với các chữ bị gạch bỏ đó cũng như ông T3 không ký vào từng trang di chúc mà chỉ ký phía cuối văn bản. Song, xét thấy những từ ngữ bị gạch bỏ đều là những phần ông T3 viết về cảm nghĩ, hoài niệm của mình đối với cuộc sống, con người xung quanh ông. Còn phần nội dung ông viết để lại tài sản cho bà T thì không có nội dung bị gạch xóa. Còn đối với bản di chúc thứ hai lập tháng 5/2018, mặc dù những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà T1, bà H và người đại diện theo ủy quyền cho rằng bản di chúc này lập trong thời gian ông T3 đang nằm viện điều trị bệnh ung thư nên không bảo đảm rằng thời điểm lập bản di chúc này ông T3 hoàn toàn minh mẫn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung của bản di chúc thứ hai không có nội dung nào mâu thuẫn với bản di chúc thứ nhất về di sản thừa kế, về người để lại di sản cũng như người được nhận di sản thừa kế, duy nhất tại bản di chúc thứ hai có một nội dung thể hiện ông T3 có điều chỉnh, bổ sung lại phần tài sản mà ông để lại cho bà T được hưởng đó là “... *phần quyền ...thuộc quyền sử dụng của tôi*” (BL 164) mà không phải là toàn bộ diện tích đất như bản di chúc thứ nhất ông đã thể hiện đồng thời ghi rõ diện tích, số thửa số tờ bản đồ, số GCCNQSDĐ được cấp và địa chỉ thửa đất. Do cả hai bản di chúc đều thể hiện thống nhất, xuyên suốt ý chí của ông T3 là ông T3 tự nguyện định đoạt để lại tài sản của ông cho bà T sau khi ông chết. Do đó, cần xác định hai bản di chúc trên đều có hiệu lực một phần đối với phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông T3, trong đó bản di chúc thứ hai bổ sung rõ hơn nội dung của bản di chúc thứ nhất, đồng thời cần xác định bà T là người được hưởng phần di sản thuộc quyền của ông T3 mà ông để lại. Do đất và tài sản trên đất là tài sản chung của ông T3 - bà Y nên cần xác định ½ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất

số 248, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước là của bà Y. Đối với $\frac{1}{2}$ khối tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T3 đã được ông lập di chúc để lại cho bà T.

[9] Liên quan đến phần này, xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn đều yêu cầu Tòa công nhận hiệu lực của cả 02 bản di chúc thứ nhất và thứ hai. Như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét bản di chúc thứ hai có nội dung bổ sung, làm cụ thể hơn bản di chúc thứ nhất. Do đó, yêu cầu được công nhận nội dung bản di chúc thứ hai của nguyên đơn không phải là yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên quyết định của Hội đồng xét xử đối với bản di chúc thứ hai theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa đầy đủ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, việc bổ sung nội dung công nhận này tại quyết định của bản án phúc thẩm là cần thiết mà không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên, do di chúc chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản thuộc quyền của ông T3 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận hiệu lực của cả 02 bản di chúc chỉ được chấp nhận một phần. Kháng nghị là có căn cứ khi cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, tuyên di chúc có hiệu lực toàn bộ là vượt quá phần di sản của ông T3, vì thế cần sửa lại cách tuyên về phần này cho phù hợp, tương ứng với phần quyền tài sản mà ông T3 để lại.

[10] Về quyền được chia thừa kế theo pháp luật của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: tại phiên tòa, bà B, bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà B, bà H, bà Thương yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất và tài sản trên đất là di sản của ông T3 để lại đồng thời yêu cầu chia trị giá tài sản này làm 03 phần bằng nhau cho mỗi bà được hưởng một phần. Đối với $\frac{1}{2}$ đất và tài sản trên đất bà B, bà H và bà T1 xác định là của bà Y nên bà B, bà H và bà T1 không yêu cầu Tòa giải quyết. Như đã phân tích ở trên, do di sản của ông T3 đã được ông lập di chúc để lại cho bà T nên yêu cầu được thừa kế tài sản theo pháp luật của bà B, bà H và bà T1 không được chấp nhận.

[11] Do tại phiên tòa phúc thẩm, phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa định giá lại tài sản. Theo kết quả định giá tại biên bản định giá ngày 14/6/2024, trị giá đất và tài sản trên đất được xác định là 6.714.456.440 đồng nên di sản thừa kế do ông T3 để lại cho bà T có trị giá bằng 6.714.456.440 đồng x $\frac{1}{2}$ = 3.357.228.220 đồng. Cũng do bà T yêu cầu được nhận thừa kế trị giá bằng tiền, trong khi toàn bộ khối tài sản chung của ông T3 và bà Y do bà Y đang quản lý, sử dụng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao tài sản cho bà Y đồng thời buộc bà Y phải thanh toán cho bà T số tiền 3.357.228.220 đồng là phù hợp.

[12] Đối với kháng nghị đề nghị áp dụng thêm các điều 14, 15, 16 của Luật hôn nhân và gia đình, các điều 213, 219 của Bộ Luật dân sự: xét thấy, trong vụ án các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung cũng như không tranh chấp về các mối quan hệ trong phạm vi hôn nhân và gia đình theo nội dung các điều 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình quy định. Nên, việc áp dụng các điều luật trên là không cần thiết, do đó kháng nghị phần này không được

Hội đồng xét xử chấp nhận. Liên quan đến việc áp dụng căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều 116, 118 của Luật đất đai năm 1993 cũng là không đúng vì Luật đất đai năm 1993 chỉ bao gồm 89 điều mà không có các điều 116, 118 nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng các điều 116, 118.

[13] Đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa 248 các đương sự đều xác nhận là thuộc quyền quản lý, sử dụng và sở hữu của bà Y, các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do trị giá tài sản sau khi định giá lại có sự chênh lệch nên án phí được tính lại cho phù hợp quy định của pháp luật. Bà T được nhận thừa kế nên phải chịu án phí đối với trị giá tài sản được nhận, cụ thể là: 72.000.000đồng + [2% x (3.357.228.220đồng – 2.000.000.000đồng)] = 99.144.564đồng;

[15] Mặc dù người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà H, bà T1 không được chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí thì mỗi người chỉ phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng/người. Cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà B, bà H, bà T1 mỗi người phải chịu 31.847.000 đồng là chưa chính xác nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí cho bà B, bà H, bà T1.

[16] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần. Cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo những nội dung đã phân tích trên.

[17] Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bà T tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền chi phí định giá lại tài sản tại cấp phúc thẩm 4.750.000đồng, do những người liên quan bà B, bà H, bà T1 không được chấp nhận yêu cầu độc lập nên phải tự chịu chi phí này. Số tiền này các bà đã nộp đủ.

[18] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà H, bà T1 – mỗi người phải chịu 300.000đồng.

[19] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa được chấp nhận.

[20] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H, bà Vũ Thị Quỳnh T1;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 09/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Sửa một phần Bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, các điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 633, 643, 654 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T;

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Ngọc B, bà Vũ Thị Mỹ H và bà Vũ Thị Quỳnh T1 về yêu cầu được chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ (một phần hai) quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

1. Tuyên bố di chúc của ông Vũ Huy T3 lập “ngày S tháng giêng năm Đinh Dậu (06/giêng năm 2017)” âm lịch (tức ngày ngày 02 tháng 02 năm 2017 dương lịch) có hiệu lực một phần.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng toàn bộ di sản thừa kế do ông Vũ Huy T3 để lại cho bà Nguyễn Thị T. Di sản này là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) diện tích đất 453,8m² và $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tài sản có trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 3 diện tích 100m², 01 dãy nhà trọ cấp 4 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20 với diện tích 453,8m² (trong đó có 200m² đất thổ cư), tọa lạc tại khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (phần di sản thừa kế này gắn liền với $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của bà Nguyễn Thị Y mà các bên đương sự không tranh chấp cùng thửa đất số 248 trên), theo GCNQSDĐ số AK 563284, sổ vào sổ cấp GCN: H 00760/QSDĐ/5219/QĐUB do UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp ngày 30/11/2007 cho hộ ông Vũ Huy T3.

3. Bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T trị giá bằng tiền đối với di sản thừa kế mà ông Vũ Huy T3 để lại theo di chúc cho bà T tương ứng với số tiền 3.357.228.220đồng (*Ba tỉ ba trăm năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Y có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh biến động trên GCNQSDĐ về tên người sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất liên quan đến những tài sản được giao cho phù hợp.

4. Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bà T tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chi phí định giá lại tài sản tại cấp phúc thẩm: bà B, bà T1 và bà H phải liên đới chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá lại tài sản với số tiền 4.750.000đồng. (Số tiền này các bà đã nộp đủ).

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 99.144.564 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0025038, quyển số: 000501 ngày 17 tháng 7 năm 2020. Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp số tiền là 78.144.564 đồng (*Bảy mươi tám triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*).

Bà Vũ Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.100.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho Bà Vũ Thị Ngọc B số tiền 28.800.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0026342, quyển số: 000527 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Vũ Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.100.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho Bà Vũ Thị Mỹ H số tiền 28.800.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0026341, quyển số: 000527 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Vũ Thị Quỳnh T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.100.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho Bà Vũ Thị Q Thương số tiền 28.800.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0026343, quyển số: 000527 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vũ Thị Ngọc B phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001049 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Vũ Thị Mỹ H phải chịu số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số: 0001050 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Vũ Thị Quỳnh T1 phải chịu số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001051 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đồng Xoài;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Quý Chi